ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /2014/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2012-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2014/NQ-HĐND ngày 10/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2012-2015;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 224/TTr-SKHĐT ngày 24/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2012-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với các nội dung như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3:

"Điều 3. Điều kiện áp dụng và nguyên tắc hỗ trợ

2. Nguyên tắc hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với từng dự án; sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng toàn bộ hoặc theo tiến độ đầu tư (trong trường hợp nhà đầu tư có đề nghị), nhưng lần hỗ trợ đầu tiên được thực hiện khi giá trị khối lượng đã đầu tư đạt tối thiểu 50% tổng mức đầu tư của dự án (không bao gồm vốn tham gia của địa phương và tổ chức, cá nhân đóng góp). Việc cấp kinh phí hỗ trợ được thực hiện một hoặc nhiều lần theo khả năng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, nhưng không quá 3 năm kể từ khi hoàn thành toàn bộ việc đầu tư dự án."

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7 Điều 4:

"Điều 4. Các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư

4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng mới: Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 03 triệu đồng/m^3/ngày-đêm trên cơ sở công suất thiết kế của công trình và kết quả kiểm tra mức độ hoàn thành của dự án; mức hỗ trợ cho từng công trình được xác định cụ thể như sau:

- Đối với các công trình đã đầu tư hoàn thành theo đúng dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư; hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình theo đúng thiết kế, trong đó đường ống cấp nước được lắp đặt đến tất cả cổng các hộ trong phạm vi cấp nước của dự án thì mức hỗ trợ thực tế bằng mức hỗ trợ tối đa.

- Đối với các công trình chưa đầu tư hoàn thành theo dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì mức hỗ trợ thực tế bằng mức hỗ trợ tối đa nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng hoàn thành các hạng mục công trình so với toàn bộ khối lượng công trình theo thiết kế.

b) Đối với dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng công suất cấp nước: Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 02 triệu đồng/m^3/ngày-đêm theo công suất thiết kế cấp nước nâng cấp, mở rộng của công trình và kết quả kiểm tra mức độ hoàn thành của dự án; mức hỗ trợ thực tế của từng công trình được xác định tương tự như Điểm a, Khoản này.

c) Đối với dự án đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước: Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 1,5 triệu đồng/m^3/ngày-đêm theo công suất thiết kế mở rộng phạm vi cấp nước của công trình và kết quả kiểm tra mức độ hoàn thành của dự án; mức hỗ trợ thực tế của từng công trình được xác định tương tự như Điểm a, Khoản này.

d) Nhà đầu tư căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án lựa chọn thời điểm, làm hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ theo chính sách nêu trên.

e) Đối với một số dự án đặc biệt thực hiện ở địa bàn khó khăn, có số vốn đầu tư lớn, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có cơ chế, chính sách hỗ trợ thêm cho dự án.

6. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực:

Nhà đầu tư được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước. Mỗi lao động được hỗ trợ đào tạo một lần và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng. Mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành. Kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo dự án nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

7. Hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng thương mại:

Nhà đầu tư được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay để đầu tư tài sản cố định trong 03 năm đầu kể từ ngày vay vốn; mức lãi suất hỗ trợ theo lãi suất vay ngân

hàng thương mại, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính cho vay để thực hiện dự án nhưng không quá mức lãi suất bình quân của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh theo thời điểm vay vốn; mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo số thực tế vốn vay, nhưng tối đa không quá 70% tổng vốn đầu tư của dự án ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư (sau khi đã trừ phần vốn do địa phương cơ sở và nhân dân tham gia đóng góp, nếu có)."

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 5:

"Điều 5. Cơ chế tài chính

1. Trích khấu hao tài sản cố định:

Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn được hạch toán đầy đủ vào nguyên giá tài sản cố định và thực hiện trích khấu hao theo quy định. Ngân sách tỉnh không thu trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cho dự án.

2. Giá bán nước sạch:

Đơn vị cấp nước sạch căn cứ khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Bộ Tài chính quy định; quy chế tính giá nhà nước ban hành; nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch theo quy định hiện hành để xây dựng phương án giá bán nước sạch gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai hướng dẫn thi hành Quyết định này.

b) Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình và các cơ quan truyền thông tập trung tuyên truyền về chủ trương, kết quả thực hiện chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tỉnh Thái Bình.

c) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện để nhà đầu tư tiếp cận các nguồn vốn vay đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trước đây có nội dung trái Quyết định này thì bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: NNTNMT, TH, MCLT;
- Lưu VT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
26/09/2014 08:24:26